

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp Vỏ bao PP dán phục vụ sản xuất
Gói thầu số: 88/ĐTRR/CN/VT/2026
Phát hành ngày:/2026

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Uyên Phương

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Chi nhánh Phía Nam – Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu đề xuất/dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp Vỏ bao PP dán phục vụ sản xuất.
- Số lượng và số hiệu các hạng mục thuộc gói thầu như sau: Gói thầu không phân chia làm nhiều phần việc.

2. Nguồn vốn: Vốn Sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó thời gian cung cấp hàng hóa là 210 ngày, cộng thêm 40 ngày nghiệm thu, thanh lý.

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn: 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSMT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: *tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...*

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.
2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **40** ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu:

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **350.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi triệu đồng./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **70** ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **10 giờ 00’ ngày tháng năm 2026**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc **10 giờ 30 ngày tháng năm 2026** tại Phòng họp BMT trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày mở thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a. Báo cáo đánh giá HSDT.

b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.

c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng

bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thông nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác (được nêu cụ thể tại Chương IV của HSMT).

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng hệ thống mạng đấu thầu Viettel.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng

lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSĐT.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Dương Thanh Bình – Phòng Vật tư - Điều độ, Chi nhánh Phía Nam; SĐT: 0969668509;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Lê Quang Uyên Phương – Giám đốc Chi nhánh Phía Nam, điện thoại 0968225577;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc: Ông Phan Hồng Kỳ – Phòng Vật tư - Điều độ, Chi nhánh Phía Nam; SĐT: 0982385390.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐT

HSĐT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSĐT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 250 ngày (Thời gian cung cấp hàng là 210 ngày).	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSĐT	Thời gian có hiệu lực của HSĐT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSĐT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 01/01/2025 được thể hiện trong GPĐKKD.
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): (i) Số lượng hợp đồng - Số lượng hợp đồng là ≥ 01 , mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là: 22.500.000.000 VND. (Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng để chứng minh; Đối với Nhà thầu liên danh, số lượng các hợp đồng chứng minh năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng số lượng hợp đồng hợp lệ của các thành viên liên danh).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2025 tối thiểu là 48.500.000.000 VND. (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tối thiểu là ≥ 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng mời thầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2025 và phải đáp ứng được một trong những mời thầu sau: - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. (Trường hợp nộp thuế qua mạng yêu cầu in xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2025).

Ghi chú:

(1) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu.

(2) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự.

Hợp đồng cung cấp hàng hóa là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa/dịch vụ của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét (cụ thể gói thầu này, tương tự về chủng loại và tính chất là: “**Cung cấp Vỏ bao dùng để đựng xi măng**”;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét.

Trường hợp trong HSMT/HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

(3) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(4) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu.

(5) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu năm = Giá gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế năm ≥ 0 VND.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSĐT của từng phần việc được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các nội dung đánh giá dưới đây đều được đánh giá là “đạt”. HSĐT được đánh giá đạt về kỹ thuật sẽ được đánh giá tiếp về giá

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tiến độ và địa điểm giao hàng	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSĐT về Tiến độ và địa điểm giao hàng đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.1 Mục 3 Chương IV của HSMT.	Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSĐT về Tiến độ và địa điểm giao hàng không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.1 Mục 3 Chương IV của HSMT.
2	Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa cung cấp	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSĐT về Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa cung cấp đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.2 Mục 3 Chương IV của HSMT.	Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSĐT về Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa cung cấp không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.2 Mục 3 Chương IV của HSMT.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
3	Test mẫu đánh giá	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Mẫu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.2, Mục 3, chương IV của HSMT.	Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Mẫu không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.2, Mục 3, chương IV của HSMT.
4	Yêu cầu về tỷ lệ rách vỡ	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về tỷ lệ rách vỡ đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.3, Mục 3, chương IV của HSMT.	Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về tỷ lệ rách vỡ đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.3, Mục 3, chương IV của HSMT.
5	Đóng gói, vận chuyển và in maquet	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Đóng gói, vận chuyển và in maquet đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.4, Mục 3, chương IV của HSMT.	Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Đóng gói, vận chuyển và in maquet không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Khoản 3.4, Mục 3, chương IV của HSMT.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (*HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh

sai lệch theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT.
- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSDT/HSMT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời dự thầu*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- *Ký đơn dự thầu;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;*

- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ ự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___[Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___[Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7
TT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Quy cách kỹ thuật, nguồn gốc	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Vỏ bao PP dán	Cái	7.000.000			$M1$
	Chi phí khác (nếu có)					Mn
	Tổng cộng					$M=M1+\dots+Mn$
	Thuế GTGT					$T = M \times T.GTGT$
	Tổng cộng giá trị sau thuế					$G = M + T$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) ghi phù hợp với quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1: Giới thiệu chung về gói thầu

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp Vỏ bao PP dán phục vụ sản xuất;
- Số hiệu gói thầu: 88/ĐTRR/CN/VT/2026;
- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa 210 ngày (cung cấp theo từng đơn đặt hàng cụ thể), cộng thêm 40 ngày tiếp theo nghiệm thu, bàn giao chuyên hàng cuối;
- Tên hàng hóa cung cấp: “Vỏ bao PP dán dùng để đựng xi măng”;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa là: Kho vỏ bao Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

2. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng 1:

Stt	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Vỏ bao PP dán	Vỏ bao PP dán đầu và đáy, 1 lớp màng dẹt, có lớp tráng màng liên kết bên ngoài, trọng lượng tối thiểu 83 g, in maquet Xi măng Cẩm Phả các loại theo yêu cầu. Chứa 50+/-0,5 kg xi măng. (Chi tiết nêu tại Yêu cầu kỹ thuật chi tiết)	cái	7.000.000

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Ghi chú
1	Loại vỏ bao		PP dán đầu và đáy, 1 lớp màng dẹt có lớp tráng màng liên kết bên ngoài	*
2	Khối lượng xi măng chứa trong bao	Kg	50±0,5	
3	Chiều cao thân bao	mm	620 ± 5	*
4	Chiều rộng thân bao	mm	500 ± 5	*
5	Chiều rộng đáy bao	mm	100 ± 3	*
6	Chiều dài van	mm	140 ± 3	*
7	Chiều rộng van	mm	215 ± 3	*
8	Chiều dài tấm dán đáy, nắp	mm	395 ± 3	*
9	Chiều rộng tấm dán đáy, nắp	mm	96 ± 3	*
10	Độ thoát khí	Nm ³ /h	120 ± 5	Săm lỗ siêu mịn

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Ghi chú
11	Trọng lượng tịnh bao	gram	Min 83	*
15	Maquet (in theo các loại Maquet của BMT)		1. Sắc nét, đúng font, cỡ chữ và kích thước theo yêu cầu. 2. Màu chuẩn theo yêu cầu maquet.	
16	Kiểm tra chất lượng vỏ bao bằng cách lấy mẫu ngẫu nhiên 10 vỏ/lô thử nghiệm thả rơi tự do theo phương nằm ngang khi tiếp xúc với nền phẳng.		10 lần không vỡ từ độ cao 1,5m với khối lượng $50 \pm 0,5$ kg xi măng	
17	Đóng bao trên máy đóng bao tự động		đạt yêu cầu, không bụi bề mặt	
18	Tỉ lệ rách vỡ		Max 0,1%	

Mục 2. Tiến độ và địa điểm cung cấp

Nội dung này được nêu cụ thể tại Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1 Tiến độ cung cấp và địa điểm giao hàng

Đề xuất và cam kết trong HSDT:

- Tiến độ cung cấp: trong vòng 210 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng.
- + Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên mời thầu đặt hàng.
- + Các đợt tiếp theo căn cứ vào kế hoạch sản xuất của Nhà máy, Bên mời thầu sẽ thông báo đơn đặt hàng cụ thể cho Nhà thầu. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được đơn đặt hàng, Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng cho Bên mời thầu.

- Địa điểm giao hàng: Kho vỏ bao - Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, Địa chỉ : Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa cung cấp.

Đề xuất và cam kết trong HSDT các thông số kỹ thuật của Vỏ bao PP dán đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Loại vỏ bao: PP dán đầu và đáy, 1 lớp màng dẹt có lớp tráng màng liên kết bên ngoài.
- Khối lượng xi măng chứa trong bao: $50 \pm 0,5$ kg.
- Chiều cao thân bao: 620 ± 5 mm.
- Chiều rộng thân bao: 500 ± 5 mm.
- Chiều rộng đáy bao: 100 ± 3 mm.
- Chiều dài van: 140 ± 3 .
- Chiều rộng van: 215 ± 3 .
- Chiều dài tấm dán đáy, nắp: 395 ± 3 .
- Chiều rộng tấm dán đáy, nắp: 96 ± 3 .
- Độ thoát khí: 120 ± 5 : Nm³/h. Săm lỗ siêu mịn.
- Trọng lượng tịnh bao: Min 83 gram.

3.3 Test mẫu tại thời điểm dự thầu.

- Số lượng mẫu yêu cầu nộp tại thời điểm dự thầu:
 - + Vỏ bao PP dán: 20 vỏ bao (không yêu cầu in maquet).
- Thực hiện test mẫu tại thời điểm xét thầu: Tại thời điểm xét thầu, Bên mời thầu sẽ

thực hiện test mẫu. Các tiêu chí test mẫu cụ thể như sau:

- + Thực hiện test bằng mắt và đo các thông số kỹ thuật như đã nêu tại Mục 3.1.
- + Thực hiện thí nghiệm thực tế đối với Vỏ bao PP dán như sau:

Bước 1: Thí nghiệm 10 vỏ bao mẫu.

Bước 2: Mỗi 01 Vỏ bao thí nghiệm được máy đóng bao đóng một lượng xi măng đúng theo tiêu chuẩn quy định với khối lượng là $50 \text{ kg} \pm 0,5 \text{ kg}$. Để các bao thí nghiệm sau khi đóng đầy trong khoảng thời gian 30 phút cho bao xi măng nguội và thoát khí mới bắt đầu thí nghiệm thả rơi. Tại Bước 2 này, từng Vỏ bao sau đóng xi măng được đánh giá là đạt yêu cầu nếu không bám bụi bề mặt.

Bước 3: Từng bao xi măng thí nghiệm sẽ được thả bằng và thả rơi tự do từ độ cao 1,5 m xuống nền bằng phẳng. Số lần thả rơi cho từng bao: 10 lần/bao. Bất kỳ bao xi măng nào khi thí nghiệm thả rơi bị vỡ sẽ không được thí nghiệm tiếp.

Ghi chú: Quá trình test mẫu tại thời điểm xét thầu, Bên mời thầu sẽ mời Nhà thầu đến chứng kiến. Trường hợp Nhà thầu không đến chứng kiến, Bên mời thầu vẫn tiến hành test mẫu. Mẫu của nhà thầu được đánh giá là đạt khi đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu trên.

3.3 Yêu cầu về Tỷ lệ rách vỡ.

Đề xuất và cam kết trong HSDT các về tỷ lệ rách vỡ đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Tỷ lệ rách vỡ: Max 0,1% trên từng lô hàng sử dụng.

3.5 Yêu cầu về đóng gói, vận chuyển và in maquet

Đề xuất và cam kết trong HSDT về đóng gói và in maquet của đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Đóng gói và vận chuyển:

- + Vỏ bao PP dán: 200 vỏ/kiện.
- + Trong cả quá trình vận chuyển, Vỏ bao được chở bằng xe ô tô thùng kín (Trang bị bạt che hàng có chất lượng tốt, số lượng bạt đủ che kín khoang chứa hàng, đảm bảo hàng hóa không bị ướt).

- In maquet: In theo các loại Maquet của Bên mời thầu đảm bảo: 1. sắc nét, đúng font, cỡ chữ và kích thước theo yêu cầu. 2. Màu chuẩn theo yêu cầu maquet.

Mục 4. Các yêu cầu khác

Các nội dung về “Yêu cầu khác” được trình bày trong HSMT này để Nhà thầu được biết và để đảm bảo quá trình thương thảo hợp đồng với Nhà thầu tốt hơn hoặc bằng các nội dung nêu dưới đây:

a. Các định nghĩa:

- “Bên A” là Bên mời thầu; “Bên B” là Nhà thầu.
- Hàng hóa cung cấp: “Vỏ bao PP dán dùng để đựng xi măng”;
- “Hoàn thành” là việc Bên A, Bên B hoàn tất các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
- “Văn bản”: bao gồm “Đơn đặt hàng” và “Xác nhận Đơn đặt hàng”;
- “Đơn đặt hàng” là văn bản của Bên A gửi Bên B hàng tháng;
- “Xác nhận Đơn đặt hàng” là văn bản của Bên B gửi Bên A hoặc Bên A gửi Bên B hàng tháng;
- “Địa điểm giao hàng” là kho vỏ bao Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (đối với đường bộ);

- “Đợt giao hàng”: là thời gian tính cho từng đợt giao hàng: “Đợt 1: từ ngày 1- ngày 10; Đợt 2: từ ngày 11- ngày 20; Đợt 3: từ ngày 21 đến hết tháng” trong tháng thực hiện cung cấp “Hàng hóa”;

b. Phương tiện vận chuyển:

- Phương tiện vận chuyển: là Xe ô tô (Trang bị bạt che hàng có chất lượng tốt, số lượng bạt đủ che kín khoang chứa hàng, đảm bảo hàng hóa không bị ướt, gây ảnh hưởng tới môi trường trong cả quá trình vận chuyển).

c. Địa điểm giao, nhận hàng hóa:

- Giao hàng tại kho vỏ bao Bên mời thầu, Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả.

- Chi phí bốc hàng từ phương tiện xuống kho do Nhà thầu chi trả.

d. Yêu cầu về lấy mẫu

Bên mời thầu sẽ lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra các thông số kỹ thuật. Sau khi kiểm tra hai bên lập Biên bản làm cơ sở nghiệm thu nhập kho và hồ sơ thanh toán. Cụ thể:

- Vỏ bao PP dán: Lấy 10 vỏ bao mẫu cho mỗi đợt giao hàng theo Đơn đặt hàng (*mẫu đại diện*) tại kho của Bên mời thầu. Sau khi lấy mẫu, kiểm tra các thông số kỹ thuật và thử nghiệm thả rơi.

e. Kiểm tra và nghiệm thu:

Yêu cầu về Kiểm tra và nghiệm thu như sau:

- Kích thước vỏ bao: Kiểm tra theo quy cách nêu tại mục Yêu cầu kỹ thuật.
- Maquet: so sánh maquet vỏ bao cung cấp và vỏ bao mẫu đã được bên mời thầu ký xác nhận.

- Số lượng vỏ bao: Kiểm tra số lượng giao thực tế.

- Độ bền vỏ bao: theo phương pháp thả rơi.

- Thử nghiệm thả rơi: Bên A và Bên B cùng giám sát thực hiện thử nghiệm thả rơi để xác định chất lượng và tỷ lệ rách vỡ của lô vỏ bao. Sau khi thả rơi, đại diện các bên ký xác nhận vào Phiếu ghi kết quả. Đối với thử nghiệm phức tạp cũng làm tương tự.

- Cách thức tiến hành:

+ Độ cao thả rơi: 1,5m.

+ Số lượng 10 bao.

+ Sau khi đóng bao 2-3h mới bắt đầu tiến hành thử nghiệm trong điều kiện bình thường, không được san đều hoặc làm giảm áp lực khí trong bao bằng bất cứ phương thức nào.

+ Mỗi bao được đóng 50kg ± 0,5 kg bởi máy đóng bao của bên A. Bao xi măng thử nghiệm được đặt thẳng bằng và thả rơi tự do xuống nền bằng phẳng, lặp lại thử nghiệm cho đến khi bao bị rách hoặc vỡ và xi măng chảy ra ngoài thì thôi. Ghi lại số lần mà bao xi măng chịu được (bao gồm cả lần mà bao xi măng bắt đầu bị bục rách).

f. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

f.1 Phạt vi phạm khối lượng:

- Nếu số lượng vỏ bao Nhà thầu (Bên B) giao cho Bên mời thầu (Bên A) bị thiếu thì

chuyên hàng đó phải bị khấu trừ theo công thức sau:

Nếu số lượng bao thiếu từ 1 ÷ 10:

$$\text{Số vỏ bao khấu trừ} = \frac{\text{Số vỏ bao bị thiếu}}{\text{Số vỏ bao kiểm đếm}} \times \text{Số lượng chuyên hàng} \times 1,5$$

Nếu số lượng bao thiếu từ 11 ÷ 20:

$$\text{Số vỏ bao khấu trừ} = \frac{\text{Số vỏ bao bị thiếu}}{\text{Số vỏ bao kiểm đếm}} \times \text{Số lượng chuyên hàng} \times 3$$

Nếu số lượng bao thiếu từ 21 ÷ 30:

$$\text{Số vỏ bao khấu trừ} = \frac{\text{Số vỏ bao bị thiếu}}{\text{Số vỏ bao kiểm đếm}} \times \text{Số lượng chuyên hàng} \times 6$$

Nếu số lượng bao thiếu >30:

$$\text{Số vỏ bao khấu trừ} = \frac{\text{Số vỏ bao bị thiếu}}{\text{Số vỏ bao kiểm đếm}} \times \text{Số lượng chuyên hàng} \times 6$$

f.2 Phạt vi phạm chất lượng

Bên mua không nghiệm thu và trả lại hàng lô hàng cho Bên B trong các trường hợp sau:

- Vỏ bao lấy mẫu thực hiện thí nghiệm thả rơi không đạt, hoặc đóng bao thực tế không đạt.
- Vỏ bao in sai maquet (*màu sắc, mẫu mã...*), hoặc kích thước không đạt yêu cầu so với vỏ bao mẫu.
- Vỏ bao bị cong, vênh, rách từ đầu.
- Vỏ bao bị ẩm ướt.
- Kết quả thí nghiệm và kiểm tra xác suất các tiêu chí kỹ thuật vỏ bao lần đầu không đạt.

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc bốc, dỡ hàng từ phương tiện xuống kho và từ kho lên phương tiện trong trường hợp trả lại hàng.

f.3 Phạt rách vỡ vỏ bao:

Tỉ lệ bao bị vỡ trên máy đóng bao và trong quá trình bốc xếp, vận chuyển (đường thủy và đường bộ) tính toán như sau:

- Tỷ lệ rách vỡ cả lô $\leq 0,1\%$ thì đạt yêu cầu chất lượng vỏ bao.
- Tỷ lệ rách vỡ cả lô $> 0,1\% \div \leq 0,3\%$: Bên B chịu phạt 50.000 đ x số lượng bao rách vỡ.
- Tỷ lệ rách vỡ cả lô $> 0,3\%$: Hoàn trả lô vỏ bao và bên B chịu các chi phí/tồn thất phát sinh để xử lý sự cố do bao rách vỡ, đồng thời Bên B chịu phạt 8% giá trị lô hàng.

f.4 Phạt vi phạm về tiến độ, khối lượng cung cấp

- Bên B giao hàng chậm so với tiến độ quy định (Không quá 8 ngày) trong từng “đợt giao hàng” thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 1% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm (giá trị tính theo khối lượng đặt hàng trong đợt giao hàng) cho mỗi ngày giao chậm nhưng tối đa không quá tám phần trăm (8%) tổng giá trị lô hàng hóa giao chậm.

f.5 Các phạt vi phạm khác:

Bên A có quyền lựa chọn một hoặc ba mức phạt/bồi thường thiệt hại (*không cần chứng minh tổn thất*): “(1) Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; (2) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần việc chưa thực hiện; (3) Bên B tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bên A số

tiền: **100.000.000 đồng** (một trăm triệu đồng) hoặc Bên A tự khấu trừ số tiền: **100.000.000 đồng** (một trăm triệu đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên A phải trả Bên B (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn **100.000.000 đồng** (một trăm triệu đồng)” mà không cần sự đồng ý của Bên B, trong các trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng như sau:

- Bên B giao hàng chậm quá 8 (tám) ngày so với tiến độ quy định trong từng đợt giao hàng.
- Tỷ lệ rách vỡ vượt định mức quy định xảy ra trên 10 lần/tháng.

g. Điều kiện thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Thời hạn thanh toán: Hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu thanh toán khối lượng hàng hóa giao từng đợt. Căn cứ vào khối lượng và giá trị nghiệm thu mỗi đợt, Bên mời thầu sẽ thanh toán 100% giá trị bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng cho Nhà thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận được đầy đủ các chứng từ (bản gốc) sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Bên B xuất cho Bên A.
- + Chứng chỉ chất lượng/xuất xưởng.
- + Phiếu kiểm tra chất lượng do Bên A phát hành (nếu có).
- + Biên bản bàn giao, biên bản kiểm nghiệm, phiếu nhập kho (Theo mẫu Bên A).
- + Bản tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán (theo mẫu của Bên A).
- + Thanh lý Hợp đồng (cho đợt giao hàng cuối cùng).

h. Nội dung thương thảo khác

Với mục tiêu đảm bảo tiến độ, chất lượng, giảm thiểu rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trường hợp có nhiều nhà cung cấp tham gia gói thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật thì Bên mời thầu xem xét đàm phán trước khi trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu với các tiêu chí như sau: “(1) Nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ nhất thực hiện 60% giá trị đề nghị trúng thầu; (2) Trường hợp Nhà thầu thứ nhất đồng ý thực hiện 60% giá trị đề nghị trúng thầu thì thực hiện đàm phán tiếp với nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ 2 thực hiện 40% giá trị đề nghị trúng thầu (Điều kiện đàm phán: đơn giá ký hợp đồng với Nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ hai không được vượt đơn giá ký với Nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ nhất và chất lượng hàng hóa phải tương đương hoặc cao hơn Nhà thầu xếp thứ nhất)”

Mục 5. Bản vẽ: Maquet kèm theo HSMT này.

Mục 6. Kiểm tra và thử nghiệm

Các nội dung về kiểm tra, thử nghiệm: như đã nêu tại Mục 4.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

1. Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Thời hạn thanh toán: Sau mỗi chuyến hàng hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu thanh toán khối lượng hàng hóa giao. Căn cứ vào khối lượng và giá trị nghiệm thu mỗi chuyến hàng, Bên mời thầu sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng cho Nhà thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận được đầy đủ các chứng từ (bản gốc) sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Bên B xuất cho Bên A.
- + Chứng chỉ chất lượng/xuất xưởng.
- + Phiếu kiểm tra chất lượng do Bên A phát hành (nếu có).
- + Biên bản bàn giao, biên bản kiểm nghiệm, phiếu nhập kho (Theo mẫu Bên A).
- + Bản tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán (theo mẫu của Bên A).
- + Thanh lý Hợp đồng (cho đợt giao hàng cuối cùng).

2. Loại hợp đồng: Trọn gói.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày (trong đó thời gian cung cấp hàng là 210 ngày, cộng thêm 40 ngày tiếp theo nghiệm thu, bàn giao chuyến hàng cuối).

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - + Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực.
 - + Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.
 - + Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng.
 - + Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 270 ngày kể từ ngày phát hành.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời thầu khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mời thầu.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ không được hoàn trả mà tự hết giá trị sau khi hết hiệu lực.